

TỈNH ỦY CAO BẰNG  
BAN TUYÊN GIÁO

\*

Số 1339-CV/BTGTU

V/v gửi Tài liệu tham khảo tháng 4/2020

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 15 tháng 4 năm 2020



Kính gửi:

- Báo cáo viên cấp tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các huyện, thành ủy,
- Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,

Căn cứ tình hình thực tế, tháng 4/2020 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy không tổ chức Hội nghị Báo cáo viên thường kỳ.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn Tài liệu tham khảo tháng 4/2020 (*nội dung trong tỉnh*). Đề nghị các đồng chí báo cáo viên cấp tỉnh, các địa phương, đơn vị, căn cứ nội dung Tài liệu tham khảo (*gửi kèm theo*) để triển khai thực hiện công tác tuyên truyền tại địa phương, đơn vị.

Đề nghị các đồng chí quan tâm thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Lãnh đạo Ban,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Bế Dũng



CỘNG HÒA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH



TỈNH ỦY CAO BẰNG  
BAN TUYÊN GIÁO

\*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**THÁNG 4 - 2020**

*(Lưu hành nội bộ)*

1. Kết quả 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. Một số kết quả thu hút đầu tư tỉnh Cao Bằng năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.
3. Chấm dứt bệnh lao vào năm 2030 tại tỉnh Cao Bằng: Thuận lợi, thách thức và các giải pháp thực hiện.
4. Định hướng công tác tuyên truyền thời gian tới.

TÀI LIỆU THÔNG TIN CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO DÙNG CHO BÁO CÁO VIÊN







Chuyên đề 01:

**KẾT QUẢ 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 50-CT/TW, NGÀY 04/3/2005  
CỦA BAN BÍ THƯ VỀ VIỆC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG  
CÔNG NGHỆ SINH HỌC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ,  
HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 50-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (gọi tắt là *Chỉ thị 50-CT/TW*) tới các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Chương trình hành động về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học (CNSH) của tỉnh đến năm 2020 và Kế hoạch tổng thể phát triển CNSH tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2010 và đến năm 2020 (*Quyết định số 1096/QĐ-UBND, ngày 13/6/2006*), trong đó tập trung nghiên cứu phát triển và ứng dụng chọn lọc CNSH phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển CNSH.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đã triển khai thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW và Quyết định số 188/2005/QĐ-TTg, ngày 22/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW, Chương trình hành động của UBND tỉnh về phát triển và ứng dụng CNSH của tỉnh đến năm 2020 tới toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức trong toàn ngành; các huyện, thành uỷ đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hoá thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng CNSH phục vụ sản xuất và đời sống phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị; đồng thời chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể thường xuyên lồng ghép tuyên truyền nội dung Chỉ thị 50-CT/TW và Chương trình hành động của UBND tỉnh về phát triển và ứng dụng CNSH của tỉnh đến năm 2020 với triển khai các nội dung, chương trình công tác chuyên môn của đơn vị.

**2. Công tác tuyên truyền**

Tỉnh uỷ chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phát triển và ứng dụng CNSH, các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước; chỉ đạo tổ chức hội nghị báo cáo viên thường kỳ cấp tỉnh, huyện và giao ban báo chí định kỳ hàng tháng để kịp thời định hướng cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên các lĩnh vực, trong đó chú trọng tuyên truyền hiệu quả của ứng dụng CNSH vào sản xuất và đời sống.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng công tác phát triển và ứng dụng CNSH thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đặc biệt, công tác tuyên truyền đã tập trung vào cụm xã vùng sâu, vùng xa, những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn.



Thông qua việc học tập, quán triệt, tuyên truyền nội dung Chỉ thị 50-CT/TW, nhận thức của cán bộ, đảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh được nâng lên, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh trong những năm qua.

### **3. Kết quả đạt được**

#### **3.1. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp**

##### **\* Hoàn thiện cơ chế chính sách và đa dạng hóa đầu tư, nghiên cứu**

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND, ngày 13/6/2006 về việc phê duyệt Chương trình hành động về phát triển và ứng dụng CNSH của tỉnh đến năm 2020 và Kế hoạch tổng thể phát triển CNSH tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2010 và đến năm 2020. Trong quá trình xây dựng các quy hoạch, kế hoạch KH&CN dài hạn, trung hạn và hằng năm, tỉnh đã quan tâm cụ thể hóa thành các nhiệm vụ KH&CN cụ thể để triển khai thực hiện.

##### **\* Phát triển nguồn nhân lực, đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất**

Năm 2011, UBND tỉnh đã phê duyệt thực hiện Dự án: *Đầu tư trang thiết bị phòng CNSH và phân tích kiểm nghiệm tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng*, với tổng kinh phí đầu tư 14.995 triệu đồng, 02 doanh nghiệp<sup>1</sup> đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho CNSH khoảng 10 tỷ đồng. Thông qua việc thực hiện các đề tài nghiên cứu về CNSH, các dự án đầu tư của tỉnh và của doanh nghiệp, tỉnh đã cử 29 cán bộ và cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp đi đào tạo, tiếp nhận kỹ thuật CNSH.

#### **3.2. Về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học**

Trong giai đoạn 2005 - 2019, tỉnh đã thực hiện 16 đề tài, dự án ứng dụng công nghệ sinh học với tổng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH&CN là 14.113 tỷ đồng<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ sinh học Ngân Hà: Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào để nhân giống cây dược liệu thạch斛 thiết bì, cây bạch cập...; Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Miền tây: Ứng dụng công nghệ nuôi cấy thành công đồng trùng hạ thảo...

<sup>2</sup> Các đề tài, dự án và kinh phí thực hiện, cụ thể: 1) Ứng dụng mùn sinh học đóng bánh BEFGMYDT - 04126D nâng cao chất lượng đất bạc màu trên một số loại cây trồng chính: 350 triệu đồng; 2) Ứng dụng công nghệ vi ghép đỉnh sinh trưởng để phục tráng và phát triển giống cam, quýt vùng Hoà An, tỉnh Cao Bằng: 1.500 triệu đồng; 3) Ứng dụng công nghệ vi ghép đỉnh sinh trưởng để phục tráng, bảo tồn và phát triển giống quýt đặc sản Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng: 1.500 triệu đồng; 4) Ứng dụng công nghệ khí hoá và compost ưa nhiệt để sản xuất chất đốt và phân hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp: 500 triệu đồng; 5) Xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp – hiệu quả cao theo công nghệ chế biến cón – chăn nuôi – khí sinh học (biogas) tại xã Đình Phong – Trùng Khánh, Cao Bằng: 1.830 triệu đồng; 6) Ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn quy mô hộ tại Cao Bằng: 700 triệu đồng; 7) Đề tài Khai thác và phát triển nguồn gen lê Đông Khê, lê Nguyên Bình và lê Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng: 1.200 triệu đồng; 8) Nhân giống cây dược liệu Lan Kim Tuyến bằng phương pháp nuôi cấy mô và trồng thử nghiệm tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: 500 triệu đồng; 9) Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô nhân giống và phát triển cây dược liệu Thạch斛 Thiết Bì trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 500 triệu đồng; 10) Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng các sản phẩm nano kim loại (CuO, FeO, CoO) trong quá trình xử lý hạt giống nhằm kích thích tăng trưởng, tăng năng suất thu hoạch cây ngô trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 500 triệu đồng; 11) Ủ bã dong riềng làm thức ăn bổ sung cho trâu bò trong vụ đông - xuân tại huyện Nguyên Bình: 500 triệu đồng; 12) Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nhân giống, canh tác và phát triển cây thuốc Thất diệp nhất chi hoa (Paris poluphylla Sm) tại Cao Bằng: 1.000 triệu đồng; 13) Ứng dụng công nghệ lò đốt rác để xử lý rác thải sinh hoạt tại thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: 1.200 triệu đồng; 14) Ứng dụng KHCN sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh HUDAVIL trên một số cây trồng tại tỉnh Cao Bằng góp phần phát triển nông nghiệp bền vững: 700 triệu đồng; 15) Ứng dụng saponin kết hợp với chitosan và axit axetic tạo màng sinh học, nhằm kéo dài thời gian bảo quản và giữ được các đặc tính đặc trưng của quả quýt tỉnh Cao Bằng: 783 triệu đồng; 16) Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Dẻ tròng khánh (*Castanea mollissima* Blume) tại tỉnh Cao Bằng: 1000 triệu đồng.



- *Triển khai ứng dụng CNSH trong lĩnh vực nông nghiệp*: Đã nghiên cứu, chọn tạo giống bằng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào, kỹ thuật gen để nhân nhanh giống nhằm phục vụ sản xuất sản phẩm hàng hóa nông nghiệp; tạo giống có chất lượng tốt, khả năng kháng bệnh và tính chống chịu tốt<sup>3</sup>. Ngoài ra, nghiên cứu khai thác hệ vi sinh vật đất để phục hồi, ổn định và nâng cao độ phì của đất trồng<sup>4</sup>; nghiên cứu các công nghệ, chế phẩm sinh học và giải pháp phục vụ công tác bảo quản nông sản, thực phẩm<sup>5</sup>. Ứng dụng chế phẩm sinh học vào trong quy trình trồng nấm rơm đã được nhiều hộ nông dân áp dụng mang lại hiệu quả<sup>6</sup>. Đối với vật nuôi đã phục tráng nguồn gen địa phương<sup>7</sup>.

- *Trong lĩnh vực y dược*: Cùng với các đề tài về nghiên cứu phát triển cây dược liệu nói chung, tỉnh đã tiến hành phương pháp nuôi cấy mô tế bào để nhân giống và phát triển cây dược liệu quý<sup>8</sup>. Sử dụng các loại vắc xin được sản xuất bằng phương pháp công nghệ sinh học tiên tiến để đáp ứng nhu cầu phòng bệnh cho nhân dân, loại trừ một số bệnh truyền nhiễm lây lan trong cộng đồng. Ứng dụng CNSH trong chuẩn đoán, điều trị bệnh<sup>9</sup> giúp cho các bác sĩ xác định bệnh nhanh chóng và chính xác. Sử dụng một số sản phẩm công nghệ sinh học trong điều trị như: Insulin chữa bệnh tiểu đường, kháng sinh, vitamin, enzyme, các chế phẩm chẩn đoán, thuốc chữa bệnh.

- *Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*: Đã nghiên cứu và ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn quy mô hộ tại Cao Bằng; ứng dụng công nghệ sinh học ủ bã dong riềng làm thức ăn cho trâu bò; ứng dụng chế phẩm sinh học để làm sạch môi trường, chế biến phân hữu cơ sinh học, làm thuốc trừ sâu từ lá cây; tận dụng bùn mía và tro lò hơi trong sản xuất mía đường ủ lên men để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

- *Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh*: Ứng dụng CNSH vào giám định tư pháp phục vụ cho công tác điều tra, phá án.

- *Phát triển công nghiệp công nghệ sinh học*: Do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn nên việc đầu tư xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học trong thời gian qua tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất các loại giống cây trồng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống; đẩy mạnh việc ứng dụng, thử nghiệm các kết quả khoa học trong chế biến, bảo quản nông sản; ứng dụng chế phẩm vi sinh vật làm sạch môi trường và xử lý ô nhiễm do tập quán sinh hoạt chưa tốt của các hộ dân dân tộc thiểu số.

<sup>3</sup> Cụ thể: Ứng dụng công nghệ nhân giống cây dược liệu lan kim tuyến và cây dược liệu thạch học thiết bì bằng phương pháp nuôi cấy mô, nuôi cấy phát triển Đông trùng hạ thảo; bảo tồn và phát triển nguồn gen cây dẻ Trùng Khánh, cây lê Đông Khê, lê Nguyên Bình và lê Bảo Lạc; thực hiện công nghệ vi ghép đỉnh sinh trưởng để phát triển giống quýt của tỉnh; một số giống lúa đặc sản của tỉnh đã được phục tráng và phát triển thành hàng hóa; ứng dụng các sản phẩm nano kim loại trong quá trình xử lý hạt giống nhằm kích thích tăng trưởng, tăng năng suất thu hoạch cho cây ngô và cây gừng trâu bảo đảm sản xuất diện tích lớn; ứng dụng saponin kết hợp với chitosan và axit axetic tạo màng sinh học nhằm kéo dài thời gian bảo quản quả quýt, từ đó tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm

<sup>4</sup> Như: Sử dụng mùn sinh học đóng bánh BEFGMYDT - 04126D nâng cao chất lượng đất bạc màu trên một số loại cây trồng chính

<sup>5</sup> Như: Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học để diệt trừ sâu từ cây dây mật và cây hời ở Cao Bằng.

<sup>6</sup> Mô hình làm nấm rơm xóm Nà Vài, xã Bế Triều, huyện Hòa An, hiện nay có trên 50/81 hộ phát triển mô hình trồng nấm rơm trung bình mỗi hộ thu nhập từ 5 - 6 triệu đồng/đợt.

<sup>7</sup> Như: Giống Lợn Lang Đông Khê; lưu giữ, bảo tồn tại Viện chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN và PTNT) nguồn gen lợn Hạ Lang, lợn Táp Ná, lợn Hương.

<sup>8</sup> Như: Lan Kim Tuyến, Thạch Hộc Thiết Bì, Giảo Cổ Lam,...; ứng dụng công nghệ gen (kỹ thuật PCR, Real-time trong chẩn đoán xuất huyết, tay chân miệng, cúm,...)

<sup>9</sup> Như: Phân tích miễn dịch, phát hiện một số protein có liên quan đến sự hình thành khối u, xác định sự có mặt của các loại vi khuẩn khác nhau...



### **3.3. Về đóng góp của công nghệ sinh học trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội**

CNSH đã góp phần quan trọng vào phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo ra các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao; đồng thời phục tráng, bảo tồn, cải tạo các loại giống cây lương thực, cây ăn quả đặc sản có thể mạnh của địa phương. Một số cây trồng của tỉnh đã được sản xuất theo quy mô lớn tạo ra sản phẩm hàng hóa, góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân. Trong phát triển chăn nuôi, bước đầu đã xây dựng các mô hình ứng dụng CNSH vào xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, góp phần tăng cao số lượng gia súc, giảm tỷ lệ gia súc bị bệnh, chết. Triển khai thực hiện nhiều mô hình ứng dụng các chế phẩm sinh học để xử lý môi trường, chất thải, xử lý thức ăn gia súc cho các hộ đồng bào vùng sâu vùng xa, đời sống gặp nhiều khó khăn đã góp phần giảm dần phong tục tập quán sinh hoạt lạc hậu, từng bước cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường do sinh hoạt.

### **3.4. Những kết quả nổi bật giai đoạn 2005 - 2020**

- *Về cây lương thực*: Đối với giống lúa đặc sản Nếp Hương Bảo Lạc, Pì Pát, Nếp Ong, đã hoàn thành việc phục tráng các giống lúa trên bảo đảm theo quy trình sản xuất giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, tạo ra sản phẩm giống lúa siêu nguyên chủng năng suất cao hơn giống cũ từ 15 - 20%, bảo đảm chất lượng, diện tích được mở rộng, được doanh nghiệp liên kết sản xuất, đầu tư công nghệ chế biến để đưa sản phẩm ra thị trường. Một số giống lúa có năng suất, chất lượng cao, có nguồn gốc rõ ràng, kháng hoặc ít nhiễm sâu bệnh và thích nghi với điều kiện sinh thái và cơ cấu mùa vụ ở địa phương đã được khuyến cáo người dân sử dụng<sup>10</sup>. Khảo nghiệm và chọn được những giống ngô, cho năng suất, chất lượng cao, ổn định, ít sâu bệnh và thích nghi với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng và cơ cấu mùa vụ ở địa phương<sup>11</sup>.

- *Đối với cây ăn quả đặc sản*: Thông qua công nghệ vi ghép đỉnh sinh trưởng đối với cây cam, quýt Cao Bằng, đã cải tạo được 10ha quýt kém chất lượng và phát triển thêm 30ha, nguồn giống đảm bảo tiêu chuẩn<sup>12</sup>. Ứng dụng CNSH bảo quản quả quýt thời gian kéo dài đến 06 tuần, từ đó có được sản phẩm cam, quýt có chất lượng tốt, thuận lợi cho lưu thông sản phẩm. Khai thác phát triển nguồn gen cho Lê Đông Khê, Lê Nguyên Bình và Bảo Lạc, Mâm máu Bảo Lạc. Về cây dẻ Trùng Khánh, Đề tài CNSH đã thực hiện tuyển chọn cây dẻ trội để phục vụ công tác nhân giống; nghiên cứu, ứng dụng sản xuất cây giống bằng phương pháp ghép với ưu thế giữ được đặc tính di truyền của Dẻ Trùng Khánh, không bị phân ly thoái hóa, thời gian cho quả nhanh để mở rộng diện tích dẻ của tỉnh Cao Bằng<sup>13</sup>.

- *Về nghiên cứu ứng dụng CNSH phát triển cây công nghiệp*: Đã xây dựng vườn ươm nhân giống gồm 03 giống chè mới<sup>14</sup>, năng suất tăng 2,5 lần so với giống chè địa phương. Tiếp nhận chuyển giao ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật vào sản xuất nông nghiệp. Duy trì và phát triển CNSH, làm chủ được công nghệ nuôi cấy mô các loại cây: Lan kim tuyến, hoa lan, các loại chuối, mía...để cung cấp giống cây bảo

<sup>10</sup> Như Japonica quy mô 10ha tại Thành phố, giống CP26 cho năng suất trung bình 65,1 tạ/ha...

<sup>11</sup> Như: giống NK4300, NK6410, NK6639, CP811, CP512, PIONEER, P4545; ứng dụng các giống mới như L14, L23...

<sup>12</sup> Vì vậy năng suất tăng lên rõ rệt, năng suất cam tăng từ 12,5 tấn/ha lên 22 tấn/ha, năng suất quýt tăng từ 10 tấn/ha lên 15 tấn/ha, thu nhập tăng 1,4 lần.

<sup>13</sup> Dự định mỗi năm cung cấp 10.000 cây giống, đáp ứng Đề án phát triển cây Dẻ của tỉnh Cao Bằng.

<sup>14</sup> Kim Tuyến, Phúc Vân Tiên, PH8.



đảm tiêu chuẩn với số lượng lớn. Tự sản xuất được một số giống nấm tại chỗ cung cấp cho các hộ nông dân để sản xuất nấm thương phẩm.

- *Trong phát triển chăn nuôi:* Bước đầu đã xây dựng các mô hình ứng dụng CNSH vào xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi. Triển khai thực hiện nhiều mô hình ứng dụng các chế phẩm sinh học để xử lý môi trường, chất thải, xử lý thức ăn gia súc cho các hộ đồng bào vùng sâu vùng xa, đời sống gặp nhiều khó khăn, góp phần giảm dần phong tục tập quán sinh hoạt lạc hậu, từng bước cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường do sinh hoạt. Nghiên cứu chọn lọc giống lợn lang Đông Khê, hiện nay giống lợn lang Đông Khê đang được phát triển nhanh, góp phần đẩy nhanh việc tái đàn lợn trên địa bàn tỉnh.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2020 - 2030**

### **1. Phương hướng, nhiệm vụ**

#### ***1.1. Về nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống***

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật vào sản xuất, đặc biệt đối với một số loài cây đặc hữu, bản địa. Từng bước ứng dụng có hiệu quả CNSH trong lai tạo, sản xuất giống cây trồng chất lượng cao, sạch bệnh, nâng cao trình độ thâm canh, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tế bào trong bảo tồn và phát triển các nguồn gen cây dược liệu quý hiếm của địa phương.

#### ***1.2. Về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững***

Ứng dụng CNSH trong xử lý chất thải đô thị và nông thôn; tăng cường ứng dụng các sản phẩm, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất, bảo vệ cây trồng, bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

#### ***1.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học***

Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng cơ sở nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học. Thúc đẩy, gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động phổ biến, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực CNSH vào sản xuất và đời sống.

#### ***1.4. Về xây dựng và phát triển tiềm lực ứng dụng công nghệ sinh học***

Tiếp tục tăng cường đầu tư, trang bị máy móc, thiết bị hiện đại và đào tạo nhân lực CNSH bảo đảm có đủ năng lực tiếp nhận và làm chủ quy trình công nghệ, duy trì triển khai trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách của địa phương nhằm khuyến khích thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về CNSH đến hỗ trợ phục vụ phát triển CNSH.

### **2. Giải pháp đột phá để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học giai đoạn 2020 - 2030**

- Tiếp tục đẩy mạnh quán triệt Chỉ thị 50-CT/TW và Quyết định 188/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW.

- Đổi mới, nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh chỉ đạo đối với sự phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học trong thực tế. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn, tiếp nhận CNSH từ các viện nghiên cứu, trường Đại học.



- Huy động các nguồn vốn để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho CNSH đáp ứng quá trình nghiên cứu, ứng dụng của tỉnh. Triển khai một số nhiệm vụ trọng điểm để phát triển sản xuất trong tỉnh.

-----

**Chuyên đề 02:**

**MỘT SỐ KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2019;  
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

Trong năm 2019, công tác thực hiện thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh tiếp tục được cấp ủy, chính quyền quan tâm và ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể:

- Kế hoạch số 522/KH-UBND ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu lại, sắp xếp đổi mới, cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp Nhà nước.

- Kế hoạch số 595/KH-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Kế hoạch số 1386/KH-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về triển khai Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh và các chương trình, kế hoạch, chỉ thị của cấp trên để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 2565/KH-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị và địa phương thực hiện có hiệu quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính (TTHC); mọi giao dịch về giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thành lập các tổ chức kinh tế cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Thực hiện hoạt động tư vấn thủ tục đầu tư thông qua đường dây nóng của Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp để giải đáp các thắc mắc, hướng dẫn doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC.

**II. MỘT SỐ KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ NĂM 2019**

Trong năm 2019, UBND tỉnh các cơ quan chuyên môn đã cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 34 dự án với tổng số vốn đăng ký là 7.750,65 tỷ đồng nâng tổng số dự án trên địa bàn tỉnh lên 296 dự án với tổng số vốn đăng ký 39.311 tỷ đồng<sup>15</sup>. Tuy dự án có giảm về số lượng nhưng tổng vốn đăng ký cao hơn gấp đôi so với năm 2018<sup>16</sup>.

<sup>15</sup> Trong đó có 12 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký là 1.116,52 tỷ đồng.

<sup>16</sup> Năm 2018: 39 dự án với tổng vốn đăng ký 3.360,67 tỷ đồng.



Các dự án được cấp chủ trương đã đi vào triển khai thực hiện theo từng lĩnh vực cụ thể như sau:

**1. Thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:** Có 4 dự án với số vốn đăng ký trên 4.361 tỷ đồng, số lượng dự án tuy có giảm 3 dự án so với năm 2018 nhưng tổng vốn đăng ký tăng gấp 27 lần năm 2018<sup>17</sup>. Đặc biệt có Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao là dự án lớn nhất trên địa bàn tỉnh với tổng mức đầu tư hơn 4.300 tỷ đồng.

**2. Thu hút đầu tư các dự án phát triển đô thị, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị:** UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển đô thị của 13/13 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tạo thuận lợi cho các địa phương trong việc nâng cấp và phát triển đô thị, kêu gọi đầu tư các dự án, các khu vực đô thị mới. Ban hành các quy định quản lý về phát triển đô thị, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện dự án hạ tầng, dự án phát triển đô thị theo quy định.

**3. Thu hút đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ:** Đã thu hút được 18 dự án đầu tư với vốn đăng ký 1.238,16 tỷ đồng. Số lượng dự án tuy có giảm 6 dự án so với năm 2018 nhưng tổng vốn đăng ký tăng gấp gần 4 lần năm 2018<sup>18</sup>.

**4. Thu hút được đầu tư vào lĩnh vực du lịch:** Xác định du lịch là một trong những mũi nhọn tập trung thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, trong năm 2019 có 02 dự án du lịch được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với số vốn đăng ký trên 298 tỷ đồng, tăng 1 dự án so với năm 2019 nhưng tổng vốn đăng ký thấp hơn<sup>19</sup>.

**5. Thu hút đầu tư vào lĩnh vực khoáng sản, công nghiệp, khác:** Phát huy lợi thế về tài nguyên khoáng sản, thủy điện, trong năm 2019 đã cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 03 dự án thủy điện với số vốn đăng ký 1.779,63 tỷ đồng, tăng 1 dự án so với năm 2018 với số vốn đăng ký gần gấp đôi; cấp mới 7 dự án khoáng sản, công nghiệp có vốn đăng ký đầu tư hơn 73 tỷ đồng, tăng 2 dự án so với năm 2018.

### **III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Khó khăn, hạn chế**

- Là tỉnh miền núi kinh tế còn nhiều khó khăn, thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Số lượng nhà đầu tư đến tìm hiểu về môi trường đầu tư và thực hiện đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; chưa có nhiều nhà đầu tư lớn, có năng lực về tài chính và công nghệ.

- Cơ sở hạ tầng của tỉnh phát triển chưa đồng bộ. Các khu công nghiệp, khu kinh tế dù đã được quy hoạch, phê duyệt nhưng tiến độ triển khai thực hiện còn chậm do thiếu vốn<sup>20</sup>.

- Việc giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng sạch để thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế, nhiều dự án chủ đầu tư phải ứng trước kinh phí để thực hiện giải phóng mặt bằng. Công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đã được cấp phép đầu tư cấp chứng nhận đầu tư còn chậm.

#### **2. Nguyên nhân**

<sup>17</sup> Năm 2018: 07 dự án với số vốn 158 tỷ đồng

<sup>18</sup> Năm 2018: 24 dự án với số vốn 425,89 tỷ đồng

<sup>19</sup> Năm 2018: 01 dự án với số vốn 840 tỷ đồng

<sup>20</sup> Hiện nay, tỉnh Cao Bằng chủ yếu ưu tiên đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu: Tà Lùng, Trà Lĩnh.



- Hạn chế về ngân sách để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. Chưa có chiến lược quy hoạch thu hút đầu tư mang tầm chiến lược, dài hạn. Chất lượng và hiệu quả công tác quảng bá, hoạt động xúc tiến đầu tư còn hạn chế, nội dung và hình thức kêu gọi đầu tư chưa phong phú, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư.

- Cao Bằng là tỉnh miền núi, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn yếu do đó khó tạo ra sức hút tới các nhà đầu tư đến với tỉnh.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020**

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền tiếp tục lãnh chỉ đạo thực hiện có hiệu quả thu hút đầu tư, trong đó tập trung vào “3 đột phá” là phát triển kết hợp kinh tế biên mậu với dịch vụ du lịch và kết hợp phát triển nông - lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Hoàn chỉnh quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng trong năm 2020. Tập trung xây dựng quy hoạch chi tiết các khu chức năng phù hợp với lợi thế và định hướng phát triển của từng cửa khẩu để phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh thúc đẩy phát triển như khu phi thuế quan, cảng cạn...

3. Các sở, ban, ngành, huyện, thành phố thường xuyên thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp thông tin trực tiếp và đưa tin hoạt động xúc tiến đầu tư, môi trường đầu tư, cơ sở dữ liệu đầu tư lên trang thông tin điện tử để các doanh nghiệp, nhà đầu tư tìm hiểu, tra cứu; tập trung rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn; nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng...

4. Tiếp tục quán triệt, kiện toàn tổ chức, bộ máy, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức làm việc có trách nhiệm, chuyên nghiệp, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của nhà đầu tư. Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành nghề trọng tâm trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế của tỉnh như du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Kiên quyết xử lý nghiêm đối với những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà, nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư.

5. Thực hiện công khai, minh bạch các TTHC, giảm đầu mối, giảm thủ tục hành chính để giảm chi phí không chính thức và chi phí thời gian cho nhà đầu tư. Tiếp tục triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, tăng cường vận động, tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và dịch vụ bưu chính công ích.

6. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Rà soát các vướng mắc của các dự án để có các giải pháp cụ thể chỉ đạo các sở ban ngành tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ và tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư. Đôn đốc các nhà đầu tư triển khai dự án đúng quy định, đồng thời kiên quyết thu hồi các dự án vi phạm, không triển khai thực hiện theo đúng nội dung cam kết. Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

7. Tăng cường chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, từng bước xây dựng Cao Bằng trở thành điểm đến lý tưởng cho các nhà đầu tư. Tiếp tục rà soát cập nhật bổ sung danh mục kêu gọi các dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



### Chuyên đề 03:

## **CHĂM DỨT BỆNH LAO VÀO NĂM 2030 TẠI TỈNH CAO BẰNG: THUẬN LỢI, THÁCH THỨC VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **I. NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ BỆNH LAO**

#### **1. Bệnh lao là bệnh nhiễm trùng**

Bệnh lao do vi khuẩn lao gây ra, vi khuẩn lao có tên là *Mycobacterium-tuberculosis* (do ông Robert Koch tìm ra năm 1882). Vi khuẩn lao có thể gây bệnh ở tất cả các bộ phận trong cơ thể nhưng thường gặp nhất là lao phổi (*lao phổi chiếm trên 80% các thể bệnh lao*). Bệnh lao có thể chữa khỏi nếu được phát hiện sớm và điều trị kịp thời.

#### **2. Bệnh lao lây truyền qua đường hô hấp**

Vi khuẩn lao lây lan từ người bệnh sang người lành qua các giọt nhỏ li ti được phát tán vào trong không khí khi một người đang mắc bệnh lao nhưng chưa được điều trị mà ho, nói chuyện, hắt hơi, khạc nhổ, cười hay hát, người lành hít phải các giọt nhỏ có chứa vi khuẩn. Hầu hết người có bệnh lao đã được điều trị bằng các loại thuốc chống lao trong ít nhất hai tuần thì không còn khả năng lây nhiễm nữa.

Những người bệnh lao phổi có nhiều vi khuẩn trong đờm đến mức có thể nhìn thấy qua soi đờm trực tiếp bằng kính hiển vi (Lao phổi AFB(+)) gọi là nguồn lây chính trong cộng đồng.

#### **3. Những người có nguy cơ cao lây nhiễm bệnh lao**

Người tiếp xúc trực tiếp với nguồn lây chính (*đặc biệt là trẻ em, người già*); người nhiễm HIV/AIDS; đối tượng nghiện ma túy, rượu, thuốc lá, thuốc Lào; người mắc các bệnh mạn tính (*như loét dạ dày tá tràng, đái tháo đường, suy thận mãn...*); người dùng thuốc ức chế miễn dịch kéo dài (*như dùng corticoid, hóa chất điều trị ung thư*).

#### **4. Các triệu chứng thường gặp của người bệnh lao phổi**

Ho kéo dài trên 02 tuần (*có thể ho khan, ho có đờm, ho ra máu*), ngoài ra có thể có kèm theo các dấu hiệu như: Gầy sút, kém ăn, mệt mỏi; sốt nhẹ về chiều; ra mồ hôi trộm vào ban đêm; đau ngực, đôi khi khó thở...

#### **5. Thời gian điều trị bệnh lao**

Thông thường là 6 tháng; nếu mắc bệnh lao tái phát thời gian là 10 tháng; thời gian điều trị lao kháng thuốc là 9 - 20 tháng tùy từng trường hợp cụ thể.

#### **6. Cách phòng bệnh lao**

Lao là một bệnh truyền nhiễm, tuy nhiên hiện nay đã có thuốc chữa và phòng bệnh, cụ thể: Tiêm vắc xin BCG cho trẻ sơ sinh và dưới 01 tuổi; phát hiện sớm và điều trị khỏi cho bệnh nhân lao là cách phòng bệnh tốt nhất cho cộng đồng.

#### **7. Cơ sở khám phát hiện và điều trị bệnh lao**

Khi có các triệu chứng nghi mắc bệnh lao (*các dấu hiệu trên*), người bệnh cần đến Trạm Y tế xã/phường để khám bệnh và được cán bộ y tế xã/phường giới thiệu đến phòng khám Trung tâm Y tế huyện hoặc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Tại đây, người bệnh sẽ được khám bệnh, chụp Xquang phổi và xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao....Người bệnh lấy đờm đúng, bảo đảm số lượng và chất lượng góp phần chẩn đoán chính xác và kịp thời bệnh lao.



## II. TÌNH HÌNH BỆNH LAO HIỆN NAY

### 1. Tình hình bệnh lao trên thế giới, Việt Nam

Theo báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới (TCYTTG-WHO Report 2019 - *Global Tuberculosis Control*), mặc dù đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong công tác chống lao trong thời gian qua, bệnh lao vẫn đang tiếp tục là một trong các vấn đề sức khỏe cộng đồng chính trên toàn cầu. TCYTTG ước tính năm 2018 trên toàn cầu có khoảng 10 triệu người mới mắc lao hằng năm (*khoảng 9 - 11,1 triệu*); 8,6% trong số mắc lao có đồng nhiễm HIV. Bệnh lao là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ hai trong các bệnh nhiễm trùng với khoảng 1,2 triệu người tử vong do lao (*khoảng 1,1 - 1,3 triệu*) và có thêm khoảng 251.000 ca tử vong do đồng nhiễm lao/HIV. Tình hình dịch tễ lao kháng thuốc đang có diễn biến phức tạp và đã xuất hiện ở hầu hết các quốc gia. Năm 2018, trên toàn cầu ước tính tỷ lệ mắc lao đa kháng thuốc là 3,4% trong số bệnh nhân mới và là 18% trong số bệnh nhân điều trị lại.

Xu hướng dịch tễ bệnh lao trên toàn cầu nói chung đang có chiều hướng giảm; tỷ lệ mới mắc giảm trong khoảng thời gian dài và có tốc độ giảm trong giai đoạn 2000 – 2018 khoảng 1,6%/năm; trong 2 năm 2017 - 2018 giảm 2%. Trong kế hoạch chiến lược kết thúc bệnh lao (The End TB Strategy) đã được ban hành. TCYTTG đã đưa ra mục tiêu phát triển thiên niên kỷ trên toàn cầu đến năm 2020 giảm 20% số người bệnh lao mới mắc và 35% số người tử vong vì lao với năm 2015; đến năm 2025 sẽ giảm tương ứng là 50% và 75%. Như vậy, tốc độ giảm mới mắc sẽ cần phải tăng lên từ 4 - 5% mỗi năm vào năm 2020 và tăng lên 10% vào năm 2025. Hiện nay, ước tính mục tiêu này có thể đạt được ở một số khu vực trên thế giới, tuy nhiên rất có thể sẽ khó đạt được ở khu vực châu Phi vì liên quan đến tình hình dịch tễ HIV cao.

Tại Việt Nam, đứng thứ 11 trong 30 nước có số người bệnh lao cao nhất trên toàn cầu, đồng thời đứng thứ 11 trong số 30 nước có gánh nặng bệnh lao kháng đa thuốc cao nhất thế giới (báo cáo WHO 2019)<sup>21</sup>.

Dựa trên số liệu phát hiện, điều trị của Chương trình Chống lao Quốc gia trong giai đoạn 2000 - 2018 và kết quả điều tra tình hình hiện mắc lao toàn quốc năm 2017 - 2018, tại Hội thảo phân tích tình hình dịch tễ bệnh lao tại Việt Nam tháng 3/2019, các chuyên gia của Tổ chức Y tế thế giới phối hợp với Chương trình Chống lao Quốc gia đã ước tính tỷ lệ hiện mắc lao tại Việt Nam giai đoạn 2007 - 2017 giảm khoảng 3,8% hằng năm; tỷ lệ lao mới mắc giảm khoảng 3% hằng năm và tỷ lệ tử vong do lao giảm khoảng 4% hằng năm.

Chương trình Chống lao Quốc gia đã vận động thành lập Quỹ hỗ trợ người bệnh chiến thắng bệnh lao (PASTB). Quỹ này đã giúp nhiều người bệnh nghèo mua thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ chi trả trong điều trị bệnh. Quỹ này hiện đang được triển khai từ Trung ương đến địa phương.

### 2. Tình hình bệnh lao tại tỉnh Cao Bằng

Tình hình dịch tễ bệnh lao hiện nay tại tỉnh Cao Bằng còn diễn biến phức tạp, chưa có chiều hướng giảm; tuy chưa có điều tra cụ thể về tình hình dịch tễ bệnh lao, nhưng theo kết quả điều tra dịch tễ lao của Chương trình Chống lao Quốc gia 2017 -

<sup>21</sup> Ước tính năm 2018, Việt Nam có số lao mới mắc các thể là 174.000 người; tử vong do lao là 11.000 người; tỷ lệ kháng đa thuốc trong bệnh nhân lao mới là 3,6 % (3,4% - 3,8%); tỷ lệ kháng đa thuốc trong bệnh nhân điều trị lại là 17% (17% - 18%).



2018 tại các tỉnh miền núi và kết quả hoạt động phòng chống lao của tỉnh Cao Bằng trong những năm gần đây<sup>22</sup>.

Hàng năm, tại tỉnh Cao Bằng phát hiện lao các thể từ 290 - 320 bệnh nhân đạt 55% so với ước tính có trong cộng đồng; bệnh nhân lao đồng nhiễm HIV 10 bệnh nhân (*chiếm 3,3%*); lao trẻ em 3 bệnh nhân (*chiếm 1%*); tỷ lệ đa kháng thuốc trong bệnh nhân lao mới <2%. Như vậy số người mắc lao trong cộng đồng chưa được phát hiện còn rất lớn 272 bệnh nhân (*chiếm 45%*).

Năm 2019, tỉnh đã được Quỹ hỗ trợ 30.000.000,đ (*Ba mươi triệu đồng*). Bệnh nhân nghèo mắc bệnh lao được hỗ trợ trong quá trình khám phát hiện, điều trị (*tiền đi lại, tiền ăn*).

### **III. THUẬN LỢI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TẠI TỈNH CAO BẰNG CHẤM DỨT BỆNH LAO VÀO NĂM 2030**

#### **1. Những thuận lợi trong công tác phòng, chống bệnh lao hiện nay**

- Có hành lang pháp lý đầy đủ để thực hiện chiến lược phòng, chống bệnh lao và tiến tới chấm dứt bệnh lao:

+ Thông tư số 02/2013/TT-BYT, ngày 15/01/2013 của Bộ Y tế, Thông tư quy định về việc phối hợp giữa các cơ sở y tế trong quản lý bệnh lao.

+ Quyết định số 374/QĐ-TTg, ngày 17/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống lao đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

+ Thông tư số 04/2016/TT-BYT, ngày 26/02/ 2016 của Bộ Y tế, Thông tư quy định về khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh chữa bệnh lao.

+ Kế hoạch số 2607/KH-UBND, ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng, Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống lao đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 tỉnh Cao Bằng.

- Bệnh nhân lao được điều trị với công thức điều trị chuẩn của chương trình chống lao quốc gia, thống nhất trong toàn quốc và được cung cấp các loại thuốc chống lao đầy đủ, chất lượng.

- Đồng thời, mạng lưới y tế phòng, chống lao tại Việt Nam nói chung và tại Cao Bằng nói riêng từ tỉnh, huyện, xã đến thôn, bản luôn được củng cố và hoàn thiện hoạt động rất có hiệu quả.

#### **2. Kết quả hoạt động phòng, chống lao**

- *Tổ chức mạng lưới*: Duy trì có hiệu quả hoạt động Chương trình phòng chống lao lồng ghép trong hoạt động y tế chung; phối hợp chặt chẽ giữa chương trình chống lao và y tế công - tư; ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong hoạt động phòng, chống lao tại địa phương; duy trì mạng lưới chống lao tại 100% số huyện/xã; tỷ lệ dân số được bảo vệ là 100%.

Phát hiện sớm bệnh nhân lao tại cộng đồng bằng phát hiện thụ động phối hợp khám chủ động tại những địa phương có ca bệnh lao chỉ điểm bảo đảm phát hiện sớm bệnh nhân lao, lao kháng thuốc tại cộng đồng.

---

<sup>22</sup> Có thể ước tính như sau: Bệnh lao các thể 572 bệnh nhân/năm (*110/100.000 dân*); Bệnh nhân lao phổi 320 bệnh nhân/năm (*62/100.000 dân*) (*là nguồn lây chính trong cộng đồng*); Tử vong do lao 26 bệnh nhân/năm (*5/100.000 dân*); Bệnh nhân đồng nhiễm Lao/HIV 30 bệnh nhân/năm (*5/100.000 dân*); Tỷ lệ lao trẻ em chiếm 3%.



Thực hiện hóa trị liệu có kiểm soát trực tiếp (DOTS) bảo đảm mọi bệnh nhân lao được dùng thuốc đúng liều, đều đặn, đủ thời gian.

- *Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống bệnh lao đến cộng đồng*: Thực hiện chiến dịch truyền thông nhân ngày thế giới phòng chống lao (24/3) với các nội dung: Treo băng rôn phòng chống lao tại tỉnh/huyện/xã; tuyên truyền trực tiếp cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân khi đi khám; thực hiện truyền thông lồng ghép tại cộng đồng; phát tờ rơi đến cộng đồng.

- *Công tác đào tạo tập huấn*: Hằng năm, tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ y tế các tuyến, bảo đảm mọi chỉ đạo của Chương trình Chống lao Quốc gia kịp thời.

- *Hoạt động phát hiện, chẩn đoán*:

+ *Khám phát hiện thụ động*: Hằng ngày người bệnh đến khám bệnh tại Trạm Y tế xã, nếu người bệnh có dấu hiệu nghi lao, cán bộ y tế sẽ tư vấn, giới thiệu lên Trung tâm Y tế huyện làm xét nghiệm, chụp Xquang phổi để chẩn đoán bệnh lao. Tại tuyến huyện, bệnh nhân đến khám bệnh tại các phòng khám hoặc các khoa điều trị nếu có dấu hiệu nghi ngờ đã được bác sĩ chỉ định khám để phát hiện bệnh lao.

+ *Khám chủ động*: Hằng năm, Chương trình Phòng chống lao tỉnh đều xây dựng kế hoạch khám chủ động phát hiện bệnh nhân lao ở những nơi có yếu tố dịch tễ. Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, Y tế thôn, bản rà soát, lập danh sách người có dấu hiệu nghi ngờ để tư vấn lấy mẫu xét nghiệm và chụp Xquang chẩn đoán bệnh lao.

+ Hiện nay, tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đã có hệ thống xét nghiệm Genexpert để chẩn đoán lao và lao kháng thuốc. Các trường hợp bệnh nhân lao phổi đều được thực hiện xét nghiệm này cho kết quả chính xác và rất nhanh (02 giờ)<sup>23</sup>.

\* *Hoạt động điều trị*: Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân được duy trì ở mức cao (>95% hằng năm) đạt mục tiêu của Chương trình chống lao quốc gia đề ra là >90%<sup>24</sup>.

\* *Hệ thống thông tin về hoạt động chống lao*: Chương trình chống lao tỉnh Cao Bằng đã thực hiện cập nhật Vitimes trong quản lý bệnh lao.

\* *Thuốc và trang thiết bị*:

- Hiện tại, Chương trình Chống lao cấp thuốc chống lao cho bệnh nhân hoàn toàn miễn phí theo phác đồ điều trị. Chương trình chống lao tuyến tỉnh dự trù mua thêm thuốc khi Chương trình Chống lao Quốc gia thiếu.

<sup>23</sup> Số bệnh nhân lao được phát hiện các năm:

- Năm 2015: Tổng số phát hiện bệnh nhân các thể 277 bệnh nhân; trong đó lao phổi AFB (+) 153 bệnh nhân, lao phổi AFB (-) 67 bệnh nhân, lao ngoài phổi 57 bệnh nhân.

- Năm 2016: Tổng số phát hiện bệnh nhân các thể 249 bệnh nhân; trong đó lao phổi AFB (+) 125 bệnh nhân, lao phổi AFB (-) 50 bệnh nhân, lao ngoài phổi 74 bệnh nhân.

- Năm 2017: Tổng số phát hiện bệnh nhân các thể 287 bệnh nhân; trong đó lao phổi AFB (+) 142 bệnh nhân, lao phổi AFB (-) 57 bệnh nhân, lao ngoài phổi 88 bệnh nhân.

- Năm 2018: Tổng số phát hiện bệnh nhân các thể 293 bệnh nhân; trong đó lao phổi AFB (+) 149 bệnh nhân, lao phổi AFB (-) 36 bệnh nhân, lao ngoài phổi 108 bệnh nhân.

- Năm 2019: Tổng số phát hiện bệnh nhân các thể 305 bệnh nhân; trong đó lao phổi AFB (+) 154 bệnh nhân, lao phổi AFB (-) 67 bệnh nhân, lao ngoài phổi 84 bệnh nhân.

<sup>24</sup> Cụ thể:

- Năm 2016: Điều trị khỏi 275 bệnh nhân, tử vong 02 bệnh nhân.

- Năm 2017: Điều trị khỏi 247 bệnh nhân, tử vong 02 bệnh nhân.

- Năm 2018: Điều trị khỏi 283 bệnh nhân, tử vong 04 bệnh nhân.

- Năm 2019: Điều trị khỏi 293 bệnh nhân.



- Dự án phòng chống lao tỉnh Cao Bằng được Chương trình Chống lao Quốc gia cấp máy Xquang kỹ thuật số; hệ thống thiết bị soi trực tiếp tìm vi khuẩn lao; hệ thống Genexpert; máy siêu âm, điện tim, máy hút dịch...

- Tại tuyến huyện/thành phố đều có phòng soi đờm trực tiếp tìm vi khuẩn lao được đầu tư đạt chuẩn theo quy định của Chương trình Chống lao Quốc gia.

## **2. Thách thức và các giải pháp thực hiện**

### **2.1. Khó khăn thách thức**

- Số bệnh nhân lao hằng năm phát hiện được còn thấp: Chương trình Phòng chống lao tỉnh Cao Bằng hằng năm chỉ phát hiện được khoảng 300 bệnh nhân (*chiếm 55%*), còn lại 272 bệnh nhân (*chiếm 45%*) bệnh nhân tại cộng đồng chưa được phát hiện, chưa được quản lý và chưa được điều trị, chưa được kiểm soát do vậy những người bệnh này vẫn hàng ngày lây lan vi khuẩn ra cộng đồng.

- Khó khăn trong công tác điều trị là: Thời gian chữa trị bệnh lao rất dài ngày (*06 tháng liên tục nếu là bệnh nhân mới mắc lần đầu; 10 - 12 tháng nếu bệnh nhân mắc ở những thể nặng hoặc tái phát*), ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế gia đình, bản thân người bệnh. Thời gian điều trị bệnh lao kéo dài nên nhiều bệnh nhân bỏ dở phác đồ điều trị, dẫn đến tình trạng kháng thuốc điều trị bệnh lao ngày càng tăng. Việc dễ xảy ra kháng thuốc chống lao, thời gian điều trị bệnh sẽ phải kéo dài hơn từ 12 - 20 tháng thậm chí lâu hơn tùy từng trường hợp người bệnh cụ thể. Chi phí điều trị cho một người bệnh mắc lao kháng thuốc cao gấp 10 lần so với chi phí điều trị cho một người bệnh không kháng thuốc chống lao. Đặc biệt, tại tỉnh Cao Bằng chưa có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc theo dõi điều trị bệnh nhân lao kháng thuốc mà phải chuyển mẫu bệnh phẩm hoặc chuyển bệnh nhân về tuyến dưới để thực hiện các xét nghiệm theo dõi trong quá trình điều trị.

- Kinh phí cho triển khai hoạt động phòng chống lao còn thấp, chưa đáp ứng các hoạt động. Đặc biệt, kinh phí cho đào tạo tập huấn, truyền thông và một số chế độ đặc thù cho cán bộ chống lao còn quá ít, chưa bảo đảm được nhu cầu.

- Mức độ tham gia của các ban, ngành, đoàn thể địa phương trong công tác phòng, chống lao chưa thường xuyên và chưa thật sự hiệu quả.

### **2.2. Các giải pháp chấm dứt bệnh lao vào năm 2030 tại tỉnh Cao Bằng**

(1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia của toàn xã hội đối với công tác phòng, chống lao.

(2) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tư vấn nhằm nâng cao kiến thức của người dân về bệnh lao, đặc biệt là người dân vùng sâu, vùng xa. Tuyên truyền thay đổi tư duy của cộng đồng để không còn sự kì thị với người mắc lao và người mắc bệnh lao không còn mặc cảm giấu bệnh. Ngoài ra, việc người bệnh giấu bệnh sẽ kéo theo nhiều hậu quả khó lường. Tình trạng bệnh kéo dài dẫn đến tổn thương nặng trên cơ thể và phổi bệnh nhân, sẽ mất nhiều thời gian để chữa trị. Bên cạnh đó, giai đoạn không chữa bệnh chính là khoảng thời gian người mắc bệnh lao có thể lây truyền bệnh cho người khác, nhất là những người bên cạnh. Nếu tất cả người dân đều quan tâm đi khám tại các cơ sở y tế khi xuất hiện các triệu chứng thì cơ quan chức năng sẽ nhanh chóng phát hiện được những trường hợp mắc lao ở giai đoạn sớm, nguồn lây sẽ được cắt đứt rất nhanh.



(3) Thay đổi phương pháp, phương tiện chẩn đoán mới có độ nhạy cao: Kỹ thuật xét nghiệm Genexpert thay thế hoàn toàn cho soi kính hiển vi, cho chẩn đoán nhanh, độ nhạy cao và dự báo được kháng thuốc chống lao.

(4) Tăng cường công tác phát hiện, quản lý điều trị bệnh nhân lao, lao tiềm ẩn:

- Công tác phát hiện: Áp dụng nhiều hình thức bảo đảm bệnh nhân được phát hiện sớm:

+ Khám chủ động tại cộng đồng: Cán bộ Y tế đến tận làng xóm có các ca bệnh lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học, làm sao để dịch vụ được đem đến cho mọi người. Chương trình sẽ áp dụng chiến lược 2X: Chụp X- quang phổi để sàng lọc và xét nghiệm Xpert để khẳng định bị lao. Chiến lược 2X sẽ giúp phát hiện chủ động những nhóm người có nguy cơ mắc lao dù chưa có triệu chứng.

Chỉ đạo các huyện khám phát hiện bệnh bằng phương pháp phát hiện thụ động kết hợp phát hiện chủ động nhằm phát hiện triệt để những nguồn lây trong cộng đồng thông qua: Sàng lọc người nghi lao tại thôn bản chuyển người nghi lao (*chuyển cốc đờm với người không có điều kiện*) đến tổ chống lao huyện để xét nghiệm đờm; khám phát hiện sớm bệnh lao tại thôn bản nơi có bệnh nhân lao AFB(+) đang quản lý điều trị, và các thôn lân cận; tăng cường tỷ lệ phát hiện lao phổi AFB(-), lao/ HIV để điều trị sớm cho người bệnh.

+ Khám thụ động tại các cơ sở y tế: Bệnh nhân có dấu hiệu nghi lao đều được khám để phát hiện bệnh lao, không bỏ sót.

+ Phát hiện lao tiềm ẩn: Áp dụng tối ưu các công cụ hiện có với bao phủ y tế toàn dân và bảo trợ xã hội cũng như áp dụng công cụ mới, để phát hiện và điều trị lao tiềm ẩn.

- Công tác quản lý điều trị: Tổ chức thực hiện tốt quản lý điều trị bệnh nhân lao tại cộng đồng đảm bảo 100% bệnh nhân quản lý điều trị theo liệu trình, sớm ngay sau khi được chẩn đoán bệnh, duy trì tỷ lệ khỏi > 95%. Thực hiện DOTS (*hóa trị liệu có kiểm soát trực tiếp*) cho người bệnh lao phát hiện, bảo đảm người bệnh dùng, đúng, đủ liều và đủ thời gian để khỏi bệnh ngăn chặn lao kháng thuốc bùng phát tại cộng đồng.

(5) Vận động sự hỗ trợ của cộng đồng, các cấp chính quyền, đoàn thể:

+ Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền trực tiếp cho người dân, cho bệnh nhân lao. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục phòng chống bệnh lao cho học sinh, sinh viên và đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục với các hình thức phong phú và hiệu quả.

+ Phối hợp cùng các đơn vị thực hiện tốt công tác khám sàng lọc chẩn đoán và quản lý điều trị lao.

+ Phối hợp chặt chẽ với y tế tư nhân (*các phòng khám y tế tư nhân trên địa bàn*) trong khám chữa bệnh lao theo Thông tư số 02/2013/TT-BYT về quy định phối hợp giữa các cơ sở y tế trong quản lý bệnh lao.



## **ĐỊNH HƯỚNG TUYÊN TRUYỀN THỜI GIAN TỚI**

### **1. Về những nội dung tập trung tuyên truyền theo Tài liệu Báo cáo viên tháng 4/2020**

#### ***1.1. Kết quả 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước***

Báo cáo viên các cấp đẩy mạnh tuyên truyền những kết quả đạt được sau 15 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đảng viên và nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

#### ***1.2. Một số kết quả thu hút đầu tư tỉnh Cao Bằng năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ năm 2020***

Đẩy mạnh tuyên truyền những kết quả đã đạt được của tỉnh trong việc thu hút đầu tư năm 2019. Chú trọng tuyên truyền các chủ trương, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh; biểu dương các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính và sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn, xây dựng Cao Bằng trở thành điểm đến lý tưởng cho các nhà đầu tư.

#### ***1.3. Chấm dứt bệnh Lao vào năm 2030 tại tỉnh Cao Bằng: Thuận lợi, thách thức và các giải pháp thực hiện***

Tăng cường tuyên truyền những kết quả đã đạt được trong công tác phòng, chống bệnh lao trên địa bàn tỉnh đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và toàn thể xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác phòng, chống bệnh lao, phấn đấu và giữ vững các kết quả đã đạt được trong Kế hoạch số 2607/KH-UBND, ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống lao đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 tỉnh Cao Bằng; hướng tới mục tiêu mọi người dân được sống trong môi trường không còn bệnh lao, chấm dứt bệnh lao vào năm 2030 tại tỉnh Cao Bằng.

### **2. Về một số nội dung trọng tâm khác cần tập trung tuyên truyền**

- Tăng cường tuyên truyền sâu rộng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng về tình hình, tính chất nguy hiểm và tác hại của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Cô-rô-na gây ra; khẳng định nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành trong công tác phòng, chống dịch; qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân chủ động, tích cực phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14, ngày 10/01/2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 897Q-



UBTVQH14, ngày 11/02/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng. Khẳng định việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã là cần thiết nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của tỉnh; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; phát huy hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở.

- Tuyên truyền công tác thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Kế hoạch số 357-KH/TU, ngày 24/6/2019 của Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị; chủ động đấu tranh phản bác thông tin sai trái, bịa đặt, phản động xuyên tạc tình hình đất nước của các thế lực thù địch, phản động.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền truyền việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chuyên đề năm 2020 “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Tuyên truyền Cuộc thi tìm hiểu “90 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng (01/8/1930 - 01/8/2020)”. Tuyên truyền về Dự án và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc tham gia thực hiện Dự án đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)./.